

Tp.HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2021

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9 Năm 2020

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát

- MÃ CỔ PHIẾU : NDP
- Tên Công ty : Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9
- Tên tiếng Anh : National Day Pharmaceutical Joint Stock Company
- Tên viết tắt : NADYPHAR
- Vốn điều lệ : 111.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP.HCM
- Số điện thoại : 028.38 687 347 – 028.38 688 474
- Website : nadyphar.com.vn

#### 2. Quá trình hình thành và phát triển

**Năm 1976** Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9 (Nadyphar) tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 được hình thành trên cơ sở sáp nhập bảy viện Bào chế tư nhân cũ trước 30/04/1975 tại Sài Gòn.

**Năm 1977** Ngày 02/08/1977, Ủy ban Nhân dân Thành phố ra quyết định số 437/QĐUB thành lập công nhận Xí nghiệp Dược phẩm 2-9 trực thuộc Sở Y tế TP.HCM là Doanh nghiệp nhà nước và là đơn vị kinh tế cơ sở có tư cách pháp nhân và hạch toán kinh tế độc lập.

**Năm 2001** Ngày 15/06/2001, theo quyết định số 736/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Công ty đã chuyển đổi mô hình thành Công ty cổ phần. Ngày 10/09/2001, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Từ tháng 10/2001 Công ty chính thức hoạt động với tên gọi “Công ty cổ phần Dược phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh”, vốn điều lệ ban đầu là 18 tỷ đồng trong đó phần vốn nhà nước chiếm 29%, còn lại là phần vốn góp của Cán bộ Công nhân viên trong Công ty và các cổ đông ngoài Công ty.

**Năm 2006** Ngày 17/01/2006, Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2, bổ sung hạng mục kinh doanh : đầu tư xây dựng, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở. Nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, GLP, GSP.

**Năm 2015** Cổ phiếu của Công ty với mã cổ phiếu NDP đã chính thức được đăng ký giao dịch tại thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thuộc Sở giao dịch chứng khoán.

**Năm 2017** Ngày 17/07/2017, Công ty đã được cấp thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 15, tăng vốn điều lệ lên 55,5 tỷ đồng, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi tên Công ty thành : Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9

**Năm 2019** Ngày 21/06/2019, Công ty đã được cấp thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 16, tăng vốn điều lệ lên 111 tỷ đồng ( sau khi chuyển đổi trái phiếu phát hành năm 2017 thành cổ phiếu).

Trong hơn 40 năm hoạt động, Nadyphar với phương châm : “ **chất lượng vì sức khỏe mọi nhà** ” đã đạt được rất nhiều thành tựu, từng bước khẳng định được vị thế của mình trên thị trường. Những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và Ban lãnh đạo qua nhiều thời kỳ đã được ghi nhận bởi các giải thưởng và danh hiệu như : Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba; Hàng Việt Nam chất lượng cao; Chia khóa vàng thương hiệu Việt uy tín; Cúp vàng thương hiệu an toàn vì sức khỏe cộng đồng; Cúp vàng thương hiệu Việt uy tín chất lượng; Cúp thương hiệu mạnh Việt Nam 2000 – 2005; Giải thưởng ngôi sao chất lượng quốc tế... Năm 2016, Nadyphar đã được Ban Quản lý Khu chế xuất và Công nghiệp Tp.HCM công nhận là doanh nghiệp tiêu biểu khu công nghiệp Tp.HCM. Năm 2018, thương hiệu Nadyphar đã đạt TOP 50 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam do Hội Sở hữu Trí tuệ VN trao tặng.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### a. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu ( Chi tiết: Sản xuất dược phẩm )
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình ( Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm. Bán buôn trang sức. Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh. Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da. Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao. Bán buôn, xuất nhập khẩu mỹ phẩm; Bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; kinh doanh thuốc y học cổ truyền; Bán buôn nguyên liệu làm thuốc)
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu ( Chi tiết: Gia công, sản xuất bao bì dược phẩm).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê ( Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Cho thuê mặt bằng. Đầu tư xây dựng, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở. Cho thuê văn phòng. Cho thuê kho )
- Sản xuất thực phẩm chức năng.
- Bán buôn thực phẩm ( Kinh doanh thực phẩm chức năng. Bán buôn, xuất nhập khẩu thực phẩm chức năng ).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải ( Chi tiết: Dịch vụ logistic trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh ( Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh).
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác ( Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Bán buôn, xuất nhập khẩu máy móc, trang thiết bị y tế ).
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ. Bán buôn bạc và kim loại quý, trừ mua bán vàng miếng).
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh ( Chi tiết: Bán lẻ bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức. Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ).

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu ( Chi tiết: Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ. Bán buôn đồ lưu niệm. Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt).
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh ( Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm).
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng ( Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị y tế ).

#### **b. Địa bàn kinh doanh :**

Trụ sở chính và nhà máy của công ty đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Địa bàn hoạt động kinh doanh khắp các tỉnh thành trên cả nước như: Vùng Mekong, Đông Nam bộ, các tỉnh miền Trung, miền Bắc, Tây Nguyên và Cambodia.

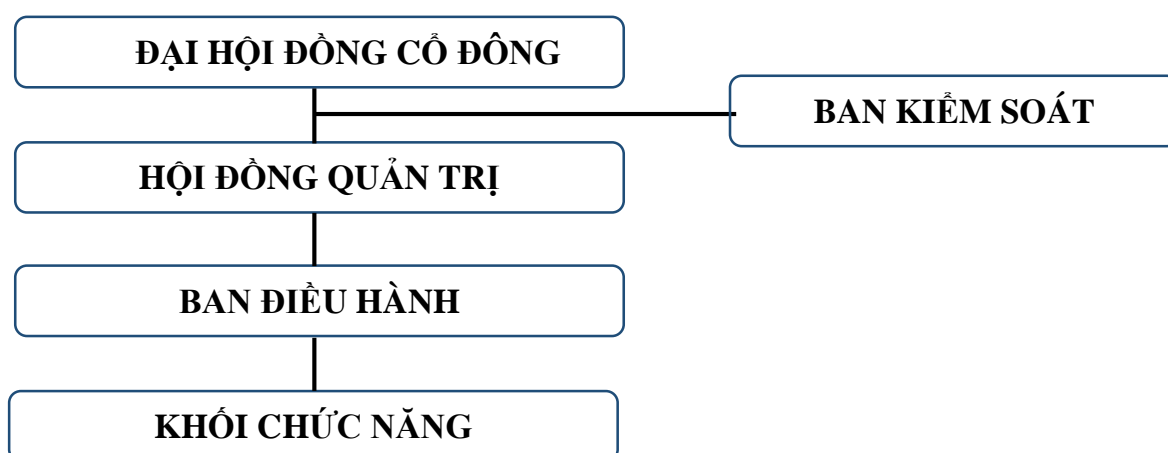
#### **c. Các nhóm sản phẩm chính của công ty**

Công ty có các dây chuyền sản xuất thuốc đạt chuẩn GMP-WHO như: thuốc viên, cốm – bột, thuốc nước, thuốc có nguồn gốc dược liệu và dây chuyền sản xuất mỹ phẩm, thực phẩm chức năng. Sản xuất các sản phẩm đa dạng với các nhóm chủ trị sau:

- + Giảm đau – Hạ sốt – Kháng viêm
- + Thuốc bổ - Vitamin – Khoáng chất
- + Tiêu hóa – Đường ruột
- + Kháng sinh
- + Thần kinh
- + Thực phẩm chức năng
- + Nước khử trùng, vệ sinh

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

#### **a. Mô hình quản trị**



#### **b. Cơ cấu bộ máy quản lý**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

#### **c. Các phòng chức năng và Phân xưởng sản xuất :**

Công ty hiện có 09 phòng chức năng và phân xưởng sản xuất ( 03 dây chuyền sản xuất).

- Phòng Hành chính Nhân sự
- Phòng Tài chính Kế toán
- Phòng Kinh doanh
- Phòng Kế hoạch – Cung ứng
- Phòng Đảm bảo Chất lượng (QA)
- Phòng Kiểm tra chất lượng (QC)
- Phòng Nghiên cứu Phát triển (R&D)
- Phòng Kỹ Thuật Cơ điện
- Tổng kho
- Phân Xưởng Sản xuất (Dây chuyền thuốc viên, dây chuyền thuốc nước & dây chuyền thực phẩm bảo vệ sức khỏe).

**d. Công ty con :**

- Năm 2020 Công ty đã thành lập Công ty con là Công ty TNHH Xã hội Sinh dược Sài Gòn (BIOPHARCO SAIGON), vốn điều lệ là 20 tỷ đồng, do NADYPHAR sở hữu 100%.
- Ngành nghề kinh doanh chính : Kiểm nghiệm thuốc; Nghiên cứu và xác định sinh khả dụng của thuốc; Xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm; Bảo quản thuốc; Thử thuốc trên lâm sàng; Thử nghiệm xác định tương đương sinh học của thuốc; Quan trắc môi trường lao động.

**5. Định hướng phát triển**

- Duy trì một cách có chọn lọc các sản phẩm thuốc thông thường (các mặt hàng đã có thương hiệu, sản lượng lớn, tỷ suất lãi cao).
- Tăng cường nhân lực, vật lực cho công tác nghiên cứu phát triển để hàng năm bổ sung các thuốc mới, có sức cạnh tranh, đặc trị như thần kinh, gan mật, hô hấp, tim mạch ...
- Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ đầu tư nhà máy sản xuất các thuốc diện kiểm soát đặc biệt để có sản phẩm vào giữa năm 2022 .
- Tập trung nghiên cứu sản xuất kinh doanh các thuốc đặc trị thế hệ mới.
- Mũi nhọn chủ lực là xây dựng thị trường cho các thuốc diện kiểm soát đặc biệt.

**6. Các rủi ro :**

**a. Rủi ro từ chính sách:**

- Dược phẩm là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, việc sản xuất và kinh doanh dược phẩm bị chi phối không chỉ luật Dược mà còn các bộ luật liên quan của các cơ quan quản lý khác.
- Trong năm 2017 Chính phủ và Bộ Y tế đã ban hành Luật Dược mới và các nghị định thông tư hướng dẫn thực hiện, các văn bản này cũng có nhiều tác động và ảnh hưởng đến việc xây dựng các chính sách, chiến lược của công ty.

**b. Rủi ro đặc thù ngành**

- Nguồn nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất phụ thuộc hơn 90% từ nguồn nhập khẩu đây là một rủi ro ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, bên cạnh đó tỷ giá cũng tác động không nhỏ. Vì vậy việc lập kế hoạch sản xuất và dự đoán xu hướng của thị trường phải được chú trọng.
- Quy định về cấp số đăng ký dược phẩm, thực phẩm chức năng ngày càng chặt chẽ nên mất nhiều thời gian, chi phí, công sức để hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký do đó ảnh hưởng đến hoạt

động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Cơ quan quản lý trong nước liên tục nâng cao tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm dược phẩm, thực phẩm chức năng theo tiêu chuẩn quốc tế nên các quy trình sản xuất và công nghệ thiết bị cần được cập nhật và cải tiến kịp thời.

### c. Rủi ro cạnh tranh

- Việc phát triển thị trường ETC gặp nhiều trở ngại do:
  - Giá trúng thầu ngày càng thấp do Thông tư 11/2016 của Bộ Y tế về đấu thầu thuốc ưu tiên chọn nhà thầu có giá thấp mà chưa chú trọng vào yếu tố chất lượng sản phẩm.
  - Tỷ lệ sử dụng thuốc trúng thầu không cao tại các bệnh viện, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong nước khi cung ứng hàng thầu.
  - Theo Nghị định 54/2017 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu, cơ sở y tế tư nhân và nhà thuốc bệnh viện được mua theo giá trúng thầu thấp.
  - Cơ quan quản lý nhà nước mở rộng đấu thầu tập trung cấp quốc gia, khu vực nên giá thuốc trúng thầu ngày càng giảm sâu trong khi giá nguyên liệu tăng cao do chính sách quản lý môi trường ngày càng thắt chặt hơn.
- Thị trường OTC ngày càng cạnh tranh gay gắt do nhiều công ty sản xuất các mặt hàng trùng lặp nhau và các công ty không trúng thầu tập trung phát triển thị trường OTC.
- Các tập đoàn dược phẩm nước ngoài mua lại các nhà máy, công ty dược trong nước hoặc đầu tư xây dựng nhà máy tại Việt Nam, với nguồn vốn dồi dào và áp dụng các công nghệ tiên tiến, các tiêu chuẩn sản xuất cao hơn... làm khó khăn cho việc cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước.
- Sự trung thành của các khách hàng không còn cao vì có quá nhiều lựa chọn để thay thế.

## II. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM :

### 1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	%2020/2019
1	Doanh thu thuần	86.223	95.920	111,25%
2	Giá vốn hàng bán	49.353	57.597	116,70%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	9.089	9.647	106,14%
4	Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	21.496	24.947	116,05%
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.463	23.023	94,11%
6	Thu nhập khác	1.648	1.255	76,15%
7	Chi phí khác	95	628	661,05%
8	Lợi nhuận khác	1.553	627	40,37%
9	Lợi nhuận trước thuế	26.016	23.650	90,91%

10	Lợi nhuận sau thuế	20.673	20.229	97,85%
11	EPS (đồng/cổ phiếu)	1.990	1.531	76,93%

- Năm 2020 doanh thu thuần từ dược phẩm đạt 90,401 tỷ tăng 111,71% so với năm 2019, lợi nhuận thu được 23,650 tỷ đồng, đạt 90,96% kế hoạch và bằng 90,91% so với thực hiện năm 2019 và kết quả tổng thể có sự đóng góp đáng kể về lợi nhuận và doanh thu từ các nguồn khác.
- Công ty vẫn theo mục tiêu áp dụng chính sách quản lý công nợ bán hàng chặt chẽ và ưu tiên bảo đảm an toàn, phát triển nguồn vốn. Kết quả nợ khó đòi không phát sinh và tổng nợ phải thu ở mức thấp.

## 2. Tổ chức và nhân sự :

### a. Danh sách Ban điều hành tại thời điểm 31/12/2020

TT	Họ tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số CP sở hữu	Tỷ lệ/Tổng số CP
01	Bà Trịnh Bích Dung	Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế	266.028	2,4%
02	Ông Phạm Thiện Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Dược sỹ đại học		
03	Bà Phan Thị Nam Hà	Kế toán trưởng	Thạc sỹ kinh tế - chuyên ngành KT	10.000	0,09%

Thay đổi nhân sự : Trong năm công ty đã miễn nhiệm ông Phạm Ngọc Tú ( Quyền Tổng Giám đốc ) và ông Võ Ngọc Dương ( Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh ).

### b. Số lượng cán bộ, nhân viên :

Số lao động bình quân năm 2020 là 207 người, trong đó 100% được ký hợp đồng lao động.

## 3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

### a. Các khoản đầu tư lớn

- Tiếp tục triển khai thực hiện dự án nhà máy Cephalosporin, nhà máy sản xuất thuốc diện kiểm soát đặc biệt.

### b. Các công ty con, công ty liên kết :

- Năm 2020 Công ty đã thành lập Công ty con là Công ty TNHH Xã hội Sinh dược Sài Gòn (BIOPHARCO SAIGON), vốn điều lệ là 20 tỷ đồng, do NADYPHAR làm chủ sở hữu 100%.

Tuy nhiên, hiện nay công ty Biopharco đang tạm ngưng hoạt động do chưa được cấp giấy phép đạt tiêu chuẩn GLP và GCP.

## 4. Tình hình tài chính :

### a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)</b>		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,96	4,13

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
	- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	3,35	3,53
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)</b>		
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	30,0%	18,8%
	- Hệ số nợ/Vốn của các nhà đầu tư	42,9%	23,2%
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)</b>		
	- Vòng luân chuyển hàng hoá: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	1,69	2,08
	- Vòng quay tổng tài sản: DT thuần/Tổng tài sản	0,33	0,36
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi (%)</b>		
	Hệ số LN sau thuế / Tổng tài sản	7,8%	7,6%
	Hệ số LN từ hoạt động SXKD / DT thuần	28,4%	24,0%
	Hệ số LN sau thuế / DT thuần	24,0%	21,1%
	Hệ số LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu	11,1%	9,4%
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	1.990	1.531

**b. Tình hình tài sản :**

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	TH 2020/ TH 2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Tài sản ngắn hạn	184.744	195.456	105,80%	70,46%	73,09%
Tài sản dài hạn	77.446	71.959	92,92%	29,54%	26,91%
Tổng tài sản	262.190	267.415	101,99%	100%	100%

**c. Tình hình nợ phải trả :**

(ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	TH 2020/ TH 2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Nợ ngắn hạn	45.992	46.093	100,22%	91,75%	93,19%
Nợ dài hạn	4.137	3.369	81,44%	8,25%	6,81%
Tổng nợ phải trả	50.129	49.462	98,67%	100%	100%

**5. Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :**

**a. Cổ phần**

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Dược phẩm 2/9
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mã cổ phiếu : NDP
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phần : 11.100.000
  - Số lượng cổ phần đang lưu hành : **11.100.000 CP**
  - Loại cổ phần lưu hành : cổ phần phổ thông
  - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 5.550.000 CP



- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 5.550.000 CP

**b. Cơ cấu cổ đông :**

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>389</b>	<b>11.098.300</b>	<b>99,985 %</b>
1	Cổ đông tổ chức	08	5.100.447	45,950 %
2	Cổ đông cá nhân	381	5.997.853	54,035 %
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>3</b>	<b>1.700</b>	<b>0,015 %</b>
1	Cá nhân	2	400	0,003 %
2	Tổ chức	1	1.300	0,012 %
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>392</b>	<b>11.100.000</b>	<b>100%</b>

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu :** Không có

d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ :** Không có

e. **Các chứng khoán khác :** không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội :**

a. **Tiêu thụ năng lượng :** Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 2.519.338 KW/ năm

b. **Tiêu thụ nước :**

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 53m<sup>3</sup>/ ngày
- Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

**7. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

- Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường : không có
- Công ty đã thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường, các nguồn gây ô nhiễm được giám sát chặt chẽ. Chất lượng môi trường trong Nhà máy, văn phòng và khu dân cư xung quanh đều được đảm bảo tốt.
- Công ty luôn ý thức tuân thủ thực hiện và không vi phạm về quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đồng thời chú trọng đến các biện pháp tối thiểu hóa những tác động gây ảnh hưởng đến môi trường như :
  - Cải tiến, đầu tư công nghệ hiện đại thân thiện với môi trường; đầu tư nghiên cứu mẫu mã, chất lượng nhằm sản xuất ra những sản phẩm thân thiện với môi trường vừa là biện pháp hữu hiệu bảo vệ môi trường sống đồng thời là kênh quảng bá hữu hiệu hình ảnh của Nadyphar đến người tiêu dùng.
  - Thực hiện các công tác tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức đến với người lao động về bảo vệ môi trường cũng như xây dựng các quy định về việc tiết kiệm nguồn năng lượng điện; dùng đèn điều khiển tự động cho nhà vệ sinh; tận dụng ánh sáng tự nhiên; phân loại rác tại nguồn và hạn chế sử dụng rác thải nhựa. Chất thải nguy hại: Công ty đã ký hợp đồng với các đơn vị uy tín để thu gom và xử lý theo đúng qui định của pháp luật hiện hành.

**8. Chính sách đối với người lao động**

a. **Mức lương bình quân người lao động :** 8.992.000đ/người/tháng

b. **Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động :**

- Các chính sách khác dành cho người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm



thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn 24/24 và các chế độ đãi ngộ khác được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Nhà nước và quy chế của Nadyphar như :

- Tiền ăn giữa ca, chế độ độc hại, bồi dưỡng nặng nhọc, độc hại bằng hiện vật.
  - Thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, chế độ thăm hỏi khi người lao động ốm đau, hoàn cảnh gia đình có khó khăn và các chế độ khác như hiếu, hỉ .v.v.
  - Tổ chức tổng kết và khen thưởng cán bộ công nhân viên với các hình thức: Thưởng sáng kiến, thưởng đột xuất, thưởng hàng năm...
- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động, điều kiện để vệ sinh lao động, đảm bảo và tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

### **c. Hoạt động đào tạo nguồn nhân lực:**

- Nguồn nhân lực là nhân tố quan trọng, được coi là tài sản quý giá của doanh nghiệp. Do đó, chính sách nhân sự của Nadyphar được xây dựng nhằm hiện thực hóa mục tiêu đưa nguồn nhân lực trở thành yếu tố đặc biệt, có vai trò quyết định trong sản xuất kinh doanh, thực hiện thành công những kế hoạch đề ra.
- Đào tạo hàng năm: Căn cứ nhu cầu hoạt động của Công ty về năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, hàng năm Công ty định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức : cử đi đào tạo, tham gia các khóa học bồi dưỡng, đào tạo tại chỗ bằng các khóa chuyên đề, huấn luyện nội bộ hoặc kết hợp với các tổ chức chuyên nghiệp bên ngoài.

### **d. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương :**

Năm 2020 Ban lãnh đạo Công ty đã tạo điều kiện về vật chất và thời gian để Công đoàn và Đoàn thanh niên thực hiện các chương trình như sau:

- Ủng hộ mặt trận Tổ quốc Thành phố Hồ Chí Minh 10.000 chai dung dịch rửa tay sát khuẩn trị giá 150.000.000 đồng góp phần cùng thành phố chung tay đẩy lùi đại dịch Covid.
- Ủng hộ Hội Chữ Thập Đỏ tỉnh Phú Yên số thuốc trị giá trên 150.000.000 đồng thực hiện chương trình khám bệnh phát thuốc cho bà con thuộc huyện Tuy An – Phú Yên.
- Phối hợp cùng Ủy ban nhân dân phường 15 – quận 11 vệ sinh, chỉnh trang lại khu phố tại văn phòng Lý Thường Kiệt, tặng 10.000.000 đồng vẽ tranh trên tường nhằm tuyên truyền các hộ dân nhằm bảo vệ môi trường, tạo cảnh quan khu phố.
- Tiếp tục phụng dưỡng suốt đời Mẹ Việt Nam Anh Hùng Phạm Thị Thanh tại Phú Hòa Đông – Củ Chi.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động thăm hỏi các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng trên địa bàn thành phố vào các dịp lễ, tết.
- Ủng hộ 200 phần thuốc dùng ngoài cho các hộ dân tại xã Hải Dương – Hải Lăng – Quảng Trị trong đợt lũ lịch sử tháng 10 năm 2020 và 12.180.000 đồng tiền mặt cho người lao động trong công ty có gia đình bị ảnh hưởng do bão lũ.
- Đoàn thanh niên công ty phối hợp các đơn vị bạn thực hiện 02 chương trình chung tay vì sức khỏe cộng đồng, vì an sinh xã hội góp phần xây dựng nông thôn mới tại xã Thới Tam Thôn – Hóc Môn và xã đảo Thạnh An – Cần giờ; Khám bệnh phát thuốc, tặng quà gia đình thương binh liệt sỹ, tổ chức sân chơi thiếu nhi, tặng học bổng tiếp sức đến trường.
- Tổ chức chương trình Trung thu yêu thương cho 60 cháu là con công nhân có hoàn cảnh khó khăn, ở trọ tại khu công nghiệp Tân Tạo – quận Bình Tân nhân dịp trung thu năm 2020.
- Vận động người lao động ủng hộ 02 trường học tại Đồng Tháp và Bình Phước điều trị bệnh hiểm nghèo.

### III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

- Trong năm qua công ty đối diện với nhiều khó khăn từ bên ngoài cũng như từ trong nội bộ, việc cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường, nhiều công ty sản xuất các mặt hàng trùng nhau, sản phẩm gia hạn số visa bị chậm, các sản phẩm đã kinh doanh lâu năm của công ty không được cấp số mới do không có hồ sơ gốc...., nhân sự chưa đáp ứng được các đòi hỏi ngày cao của công ty. Năm 2020 mặc dù đối diện rất nhiều khó khăn, dịch bệnh, thiên tai doanh thu chưa đạt được như kế hoạch đã đề ra nhưng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã cố gắng đảm bảo đạt mức lợi nhuận nhất định trên 90% kế hoạch và đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

#### 2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban tổng giám đốc:

- Trong năm 2020, Hội Đồng quản trị đã đề ra các nghị quyết, định hướng cho Ban Tổng Giám Đốc thực hiện, với sự giám sát chặt chẽ và có định hướng, Ban TGDĐ đã điều hành hoạt động của công ty theo đúng chỉ đạo và tuân thủ các qui định của pháp luật, tuy kết quả hoạt động kinh doanh không đạt như kế hoạch đặt ra nhưng Ban Tổng Giám Đốc đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, khả năng quản trị để giúp công ty trụ vững trước các nguy cơ và khó khăn, chủ động đề xuất các phương án sản xuất kinh doanh kịp thời đáp ứng nhu cầu của thị trường, đồng thời Ban lãnh đạo cũng chấp hành đúng các tinh thần của Nghị quyết, bám sát thực hiện và có báo cáo đầy đủ.

#### 3. Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị :

Để phát triển bền vững và gia tăng giá trị công ty, Hội đồng quản trị đã định hướng hoạt động của công ty trong thời gian sắp tới về các lĩnh vực kinh doanh, sản xuất, nghiên cứu phát triển, nhân sự và nguồn tài chính của công ty như sau:

##### a. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021:

- Doanh thu : 135 tỷ
- Lợi nhuận : 26,5 tỷ
- Cổ tức dự kiến : từ 10%

##### b. Định hướng phát triển :

###### ❖ Về kinh doanh

- Tăng cường tạo dựng hình ảnh của công ty đối với khách hàng, đối tác và người tiêu dùng. Lấy khách hàng làm trọng tâm cho sự phát triển kinh doanh và dịch vụ. Tích cực ứng dụng các công nghệ vào hoạt động kinh doanh nhằm tăng cường hiệu quả.
- Kiện toàn hệ thống phân phối. Phân loại khách hàng theo kênh bán hàng để có các chính sách chăm sóc và bán hàng tập trung hiệu quả.
- Cơ cấu danh mục các sản phẩm chủ lực của công. Mở rộng danh mục đầu thầu cung ứng cho khối điều trị. Tăng cường tìm kiếm đối tác sản xuất gia công, xây dựng đơn giá hợp lý cạnh tranh nhằm tăng năng suất, công suất nhà máy.

###### ❖ Về sản xuất:

- Đánh giá đầu tư trang thiết bị máy móc, hợp lý hóa các quy trình sản xuất, tăng năng suất thiết bị, tăng năng suất lao động, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, giảm chi phí sản xuất nhằm giảm giá thành sản phẩm.
- Tăng cường công tác R&D nhằm tăng số lượng sản phẩm mới đưa vào sản xuất trong năm 2021. Hoàn thiện hồ sơ xin số đăng ký mới để phát triển những sản phẩm có chất lượng mang tính cạnh tranh cao và có giá trị lớn.

- Đưa vào sử dụng, nghiệm thu các máy móc thiết bị đã được trang bị đầu tư và chạy thử. Có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, thẩm định, hiệu chuẩn định kỳ các máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất.

❖ **Về nguồn nhân lực**

- Có kế hoạch đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng các mục tiêu phát triển của công ty.
- Xây dựng chính sách tiền lương phù hợp, chính sách và hình thức tuyển dụng linh hoạt nhằm đảm bảo tuyển dụng và giữ chân được người lao động có năng lực cho công ty.
- Xây dựng đội ngũ kế thừa

❖ **Về tài chính:**

- Cơ cấu nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư trang thiết bị máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất. Cân đối sử dụng thêm các nguồn lực tài chính bên ngoài để tài trợ cho các hoạt động của công ty và đầu tư cho công nghệ.
- Giám sát việc thực hành chính sách tiết kiệm, hạn chế các khoản chi phí không phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Rà soát, cơ cấu lại chi phí để giá bán sản phẩm ở mức cạnh tranh và hợp lý nhất.

## IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2020.

TT	Họ tên	Chức danh	Số CP sở hữu/đại diện	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Ngô Nam Thắng	Chủ tịch HĐQT	2.320.088	20,90%	CT HĐQT Cty CP XD TM DV GB Sài Gòn
2	Ông Huỳnh Nguyên Thanh	Phó CT HĐQT	0	0,00%	Thành viên điều hành
3	Ông Hoàng Xuân Minh Trí	Thành viên HĐQT	1.609.500	14,50%	Đại diện phần vốn của Sapharco
4	Bà Trịnh Bích Dung	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD.	266.028	2,40%	Thành viên điều hành
5	Ông Nguyễn An Giang	Thành viên Hội đồng quản trị	2.770.568	24,96%	Đại diện phần vốn góp của Cty CP XD TM DV GB Sài Gòn

#### b. Thay đổi nhân sự trong Hội đồng quản trị trong năm :

Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã miễn nhiệm ông Phạm Ngọc Tú và bầu bổ sung ông Huỳnh Nguyên Thanh làm thành viên Hội đồng Quản trị.

#### c. Hoạt động của Hội đồng quản trị :

Trong năm Hội đồng Quản trị đã tổ chức 12 cuộc họp với sự tham dự của 100% số thành viên và ban hành 09 nghị quyết với tỷ lệ thông qua của 100% thành viên có quyền biểu quyết. Chi tiết về các cuộc họp và nghị quyết Hội đồng Quản trị đã được nêu tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020.

## 2. Ban kiểm soát

### a. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức danh	Số CP sở hữu/đại diện	Tỷ lệ
1	Nguyễn Minh Đức	Trưởng ban BKS	0	0%
2	Trần Quang Huy	Thành viên BKS	0	0%
3	Nguyễn Trần Xuân Mai	Thành viên BKS	0	0%

### b. Hoạt động của Ban kiểm soát :

- Ban kiểm soát đã duy trì tốt hoạt động theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
- Đã thực hiện các công tác đúng theo kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát, bao gồm: thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Giám sát thẩm định tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và báo cáo khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông hoặc các cơ quan nhà nước có liên quan;
- Trong năm Ban Kiểm soát cũng đã phối hợp cùng một số phòng ban liên quan tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện dự thảo điều chỉnh Điều lệ Công ty và một số quy chế, quy định.

### c. Thay đổi trong Ban kiểm soát trong năm : Không có

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

### a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích ( chưa trừ thuế thu nhập cá nhân):

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Họ & Tên	Thù Lao/Lương	Thưởng, lễ, tết	Ăn ca	Tổng Thu Nhập
	<b><u>Thù lao Hội đồng Quản trị</u></b>				
1	NGÔ NAM THẮNG	159,000,000	75,000,000		234,000,000
2	PHẠM NGỌC TÚ	20,000,000	30,000,000	0	50,000,000
3	TRỊNH BÍCH DUNG	71,500,000	40,000,000	0	111,500,000
4	HUỲNH NGUYỄN THANH	62,000,000	0	0	62,000,000
5	HOÀNG XUÂN MINH TRÍ	71,500,000	24,000,000	0	95,500,000
6	NGUYỄN AN GIANG	71,500,000	24,000,000	0	95,500,000

STT	Họ & Tên	Thù Lao/Lương	Thưởng, lễ, tết	Ăn ca	Tổng Thu Nhập
	<b><u>Thù lao Ban Kiểm Soát</u></b>				
7	NGUYỄN MINH ĐỨC	61,000,000	8,000,000	0	69,000,000
8	NGUYỄN TRẦN XUÂN MAI	32,000,000	4,000,000	0	36,000,000
9	TRẦN QUANG HUY	32,000,000	4,000,000	0	36,000,000
	<b><u>Lương HĐQT, Ban Tổng GD</u></b>				
1	TRỊNH BÍCH DUNG	540,000,000	79,950,000	7,530,000	627,480,000
2	HUỶNH NGUYỄN THANH	416,000,000	1,750,000	5,100,000	422,850,000
3	PHẠM NGỌC TÚ	540,807,693	50,875,000	5,130,000	596,812,693
4	VÕ NGỌC DƯƠNG	385,000,000	54,000,000	3,660,000	442,660,000
5	PHẠM THIÊN THUẬN	660,000,000	42,083,350	7,920,000	710,003,350

**b. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, cổ đông lớn :**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ G.B Sài Gòn	Cổ đông lớn	- Bán hàng (17 giao dịch): 663.383.544 đ - Trả hàng (1 giao dịch): 424.277.403 đ - Cho thuê Bất động sản (4 giao dịch): 2.379.199.200 đ - Trả cổ tức: 2.981.271.600
2	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Cổ đông lớn đồng thời là cổ đông nhà nước	- Bán hàng (bao gồm cả bán cho Chi nhánh – 176 giao dịch): 6.034.939.052 đ - Trả hàng (3 giao dịch): 233.818.200 đ - Mua hàng (12 giao dịch): 1.468.718.162 đ - Trả cổ tức: 1.931.400.000

Tất cả các giao dịch đều có ký hợp đồng theo đúng quy định.

**c. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty :**

Hội đồng Quản trị tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân công và tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty về quản trị công ty. Đặc biệt là những thành viên trực tiếp điều hành công việc đã nỗ lực không ngừng trong điều kiện hết sức khó khăn trong giai đoạn hiện nay.

Ban kiểm soát hoàn thành trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo tính minh bạch, khách quan của số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua.

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo rà soát để chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các nội quy, quy định về quản trị công ty nhằm hỗ trợ tốt nhất cho công tác sản xuất, kinh doanh.

**V. NỘI DUNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020:**

Toàn văn Báo cáo Tài chính năm 2020 đã kiểm toán được đăng tải trên website của công ty tại địa chỉ : [nadyphar.com.vn/congbothongtin](http://nadyphar.com.vn/congbothongtin).

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**NGÔ NAM THẮNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9  
VÀ CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 37

51  
V  
NH  
AN  
Đ  
1  
1  
C  
DI  
1/1

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9 VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Ngô Nam Thắng	Chủ tịch
Ông Huỳnh Nguyên Thanh	Phó chủ tịch vận hành (bổ nhiệm ngày 27 tháng 03 năm 2020)
Ông Phạm Ngọc Tú	Phó chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27 tháng 03 năm 2020)
Ông Hoàng Xuân Minh Trí	Thành viên
Bà Trịnh Bích Dung	Thành viên
Ông Nguyễn An Giang	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Minh Đức	Trưởng ban
Ông Trần Quang Huy	Thành viên
Bà Nguyễn Trần Xuân Mai	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Ngọc Tú	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2020 miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2020)
Bà Trịnh Bích Dung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Ngọc Dương	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2020)
Ông Phạm Thiện Thuận	Phó Tổng Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Nhóm công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9 VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



**Ngô Nam Thăng**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021





Số: 353A/2021/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:           Cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2021 từ trang 5 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

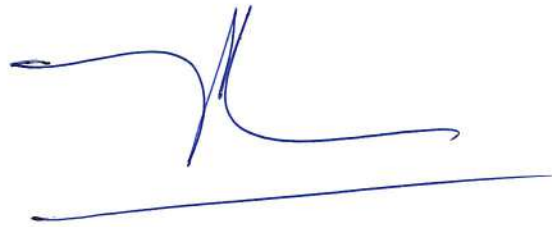
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



**Nguyễn Thụy Nhã Vy**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1875-2018-026-1  
(Theo giấy ủy quyền số 06/2020-21/UQ-RSM  
ngày 01 tháng 10 năm 2020)

**Lý Trung Thành**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2822-2020-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>195.456.214.958</b>	<b>184.743.605.278</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>22.593.289.109</b>	<b>19.407.828.549</b>
1. Tiền	111		6.593.289.109	7.807.828.549
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	11.600.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>130.600.000.000</b>	<b>123.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	130.600.000.000	123.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.620.845.626</b>	<b>11.648.965.322</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	9.665.440.467	6.267.438.179
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.532.603.768	1.963.473.044
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	6.695.034.202	4.760.092.985
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.272.551.016)	(1.342.895.138)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		318.205	856.252
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.7	<b>25.051.617.418</b>	<b>30.223.967.726</b>
1. Hàng tồn kho	141		25.411.594.226	30.418.286.709
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(359.976.808)	(194.318.983)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>590.462.805</b>	<b>462.843.681</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		251.375.503	49.349.161
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		165.000	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	338.922.302	413.494.520
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>71.958.673.021</b>	<b>77.446.097.918</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>47.000.000</b>	<b>47.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		47.000.000	47.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.918.827.587</b>	<b>41.674.076.331</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	32.771.288.307	36.444.252.441
Nguyên giá	222		122.110.155.041	120.621.014.495
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.338.866.734)	(84.176.762.054)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	5.147.539.280	5.229.823.890
Nguyên giá	228		6.927.216.091	6.767.216.091
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.779.676.811)	(1.537.392.201)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	4.10	<b>12.473.607.526</b>	<b>13.187.812.246</b>
1. Nguyên giá	231		30.880.192.830	30.880.192.830
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(18.406.585.304)	(17.692.380.584)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.255.909.091</b>	<b>1.180.454.546</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.255.909.091	1.180.454.546
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>90.000.000</b>	<b>90.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	90.000.000	90.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.173.328.817</b>	<b>21.266.754.795</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	19.507.260.494	20.431.158.468
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		666.068.323	835.596.327
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>267.414.887.979</b>	<b>262.189.703.196</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9 VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>49.462.028.159</b>	<b>50.129.094.473</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>46.093.020.359</b>	<b>45.991.961.673</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	2.436.643.965	4.393.593.932
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	6.906.949.283	6.020.006.219
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	1.621.116.375	1.857.410.884
4. Phải trả người lao động	314	4.15	8.746.040.217	6.690.387.315
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	2.027.243.162	2.111.135.770
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	13.143.216.816	14.578.472.435
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	1.015.287.926	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.19	10.196.522.615	10.340.955.118
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.369.007.800</b>	<b>4.137.132.800</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.17	3.369.007.800	4.137.132.800
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>217.952.859.820</b>	<b>212.060.608.723</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.20	<b>217.952.859.820</b>	<b>212.060.608.723</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.000.000.000	111.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.000.000.000	111.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.433.140.789	20.433.140.789
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		54.985.441.406	51.950.748.706
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.534.277.625	28.676.719.228
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		28.507.191.224	26.712.075.449
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.027.086.401	1.964.643.779
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>267.414.887.979</b>	<b>262.189.703.196</b>

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trịnh Bích Dung  
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Phan Thị Nam Hà  
Kế toán trưởng

Lê Thị Hoàng Phi  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9 VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	99.215.434.703	95.761.753.260
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	3.295.548.530	9.538.545.460
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95.919.886.173	86.223.207.800
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	57.597.322.728	49.353.348.718
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.322.563.445	36.869.859.082
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	9.647.007.666	9.089.224.132
7. Chi phí tài chính	22		11.612.694	1.390.855.165
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.854.141</i>	<i>1.382.952.701</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	8.412.221.937	7.117.573.332
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	16.523.095.711	12.987.173.811
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.022.640.769	24.463.480.906
11. Thu nhập khác	31		1.255.561.903	1.647.835.257
12. Chi phí khác	32		627.948.888	95.178.141
13. Lợi nhuận khác	40		627.613.015	1.552.657.116
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.650.253.784	26.016.138.022
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	3.251.469.136	4.323.007.117
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.9	169.528.004	1.020.591.789
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.229.256.644	20.672.539.116
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		20.229.256.644	20.672.539.116
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.20.5	1.531	1.990
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.20.5	1.531	1.990

**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Trịnh Bích Dung**  
**Phó Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

**Phan Thị Nam Hà**  
**Kế toán trưởng**

**Lê Thị Hoàng Phi**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9 VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.650.253.784	26.016.138.022
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	6.770.931.646	6.359.292.601
Các khoản dự phòng	03		95.313.703	(78.435.795)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.847.002.067)	(9.216.491.678)
Chi phí lãi vay	06		1.854.141	1.382.952.701
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh	08		20.671.351.207	24.463.455.851
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.466.181.021)	6.699.192.882
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.006.692.483	(1.819.006.670)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		951.443.267	(13.513.259.196)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		721.871.632	1.300.839.332
Tiền lãi vay đã trả	14		11.847.450	(1.665.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(3.523.007.117)	(7.546.639.498)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	4.19	69.680.600	260.235.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	4.19	(3.451.118.650)	(2.720.560.084)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>14.992.579.851</b>	<b>5.459.257.617</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.612.662.121)	(6.785.591.479)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		220.000.000	140.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(225.800.000.000)	(203.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		218.200.000.000	203.077.200.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.266.054.124	8.945.862.472
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>273.392.003</b>	<b>2.377.470.993</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	1.015.287.926	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.095.799.220)	(11.115.886.871)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(12.080.511.294)</b>	<b>(11.115.886.871)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
(50 = 20+30+40)	50		3.185.460.560	(3.279.158.261)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		19.407.828.549	22.686.986.810
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	22.593.289.109	19.407.828.549



**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Trịnh Bích Dung**  
Phó Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

*Handwritten signature of Phan Thị Nam Hà*

**Phan Thị Nam Hà**  
Kế toán trưởng

*Handwritten signature of Lê Thị Hoàng Phi*

**Lê Thị Hoàng Phi**  
Người lập



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2/9 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 10 tháng 09 năm 2001, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2-9 TP.Hồ Chí Minh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000594 ngày 10 tháng 09 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 06 năm 2019, với tên gọi mới là Công ty Cổ phần Dược Phẩm 2/9.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 111.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ G.B Sài Gòn	Việt Nam	27.705.680.000	24,96	24.843.930.000	22,38
Ông Ngô Nam Thắng	Việt Nam	23.200.880.000	20,90	23.200.880.000	20,90
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Việt Nam	16.095.000.000	14,50	16.095.000.000	14,50
Vốn góp của các đối tượng khác	Việt Nam	43.998.440.000	39,64	46.860.190.000	42,22
<b>Cộng</b>		<b>111.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 1 công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Nhóm công ty”).

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 207 (31/12/2019: 212).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, gia công sản xuất bao bì dược, sản xuất kinh doanh mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, cho thuê mặt bằng. Đầu tư xây dựng, cho thuê và kinh doanh cao ốc văn phòng. Dịch vụ logistic, bán lẻ dụng cụ y tế mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh, kiểm tra phân tích kỹ thuật, bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Bán buôn nguyên liệu làm thuốc.

Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kiểm nghiệm thuốc; Nghiên cứu và xác định sinh khả dụng của thuốc; Xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm; Bảo quản thuốc; Thử thuốc trên lâm sàng; Thử nghiệm xác định tương đương sinh học của thuốc; Quan trắc môi trường lao động.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc Nhóm công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 1 công ty con trực tiếp.

**1.6. Công ty con được hợp nhất**

*Công ty con trực tiếp:*

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty TNHH Xã hội Sinh dược Sài Gòn	Số 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**2.5. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

***Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ***

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**3.3. Đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

***Đối với các khoản đầu tư khác***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.4. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất tại Số 930 C4 Đường C, Khu công nghiệp Cát Lái, Cụm 2, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh được ghi nhận theo nguyên giá, không có thời hạn sử dụng nên không trích khấu hao.

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.8. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### ***Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

### ***Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- |                    |             |
|--------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa          | 25 – 50 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 06 – 10 năm |

### **3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến tiền thuê đất trả trước, chi phí sửa chữa và công cụ, dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê, là 29 năm.
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ 12 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ 12 tháng và 24 tháng.

### **3.11. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **3.12. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ đầu tư phát triển***

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hằng năm của Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.14. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**3.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng; dịch vụ mua ngoài (vận chuyển, bảo quản, bốc dỡ, quảng cáo...); chi phí bằng tiền khác.

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

#### **3.18. Thuế**

##### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

##### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

##### ***Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2020, Nhóm công ty được giảm 30% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020, do Nhóm công ty có tổng doanh thu năm 2020 dưới 200 tỷ đồng.

### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dược phẩm, thuốc phòng bệnh và chữa bệnh: 5%;
- Thực phẩm chức năng: 10%;
- Hàng hóa khác: 10%.

### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **3.19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.21. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



40  
NG  
PH  
C  
/



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.22. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	184.356.000	167.159.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.408.933.109	7.640.669.049
Các khoản tương đương tiền	16.000.000.000	11.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.593.289.109</b>	<b>19.407.828.549</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất từ 2,9%/năm đến 4%/năm.

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	130.600.000.000	130.600.000.000	123.000.000.000	123.000.000.000

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 6,4%/năm đến 7,6%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2	90.000.000		-	90.000.000		-

Tại ngày báo cáo, Nhóm công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	3.676.299.233	53.629.804
Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Phẩm Ace	1.071.313.236	-
Công ty TNHH Dược Phẩm Trung Việt	685.777.208	1.213.316.620
Công ty TNHH Dược Phẩm Minh Tiến Phát	661.849.666	-
Công ty TNHH Dược Phẩm An Tâm	576.085.635	-
Các khách hàng khác	2.994.115.489	5.000.491.755
<b>Cộng</b>	<b>9.665.440.467</b>	<b>6.267.438.179</b>

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Giải pháp Kỹ thuật Sóng Việt	683.124.828	264.056.892
Công ty CP KHCN Bách khoa TPHCM	432.000.000	432.000.000
Trung tâm nghiên cứu công nghệ và thiết bị công nghiệp	184.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	233.478.940	1.267.416.152
<b>Cộng</b>	<b>1.532.603.768</b>	<b>1.963.473.044</b>

Tại ngày 31/12/2020, trả trước các nhà cung cấp khác ngắn hạn có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước các nhà cung cấp ngắn hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản chi hộ	5.111.821.555	-	2.677.109.176	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	1.191.917.807	-	1.810.969.864	-
Phải thu người lao động	46.800.000	-	61.400.000	-
Phải thu khác	344.494.840	-	210.613.945	-
<b>Cộng</b>	<b>6.695.034.202</b>	<b>-</b>	<b>4.760.092.985</b>	<b>-</b>

*(Xem trang tiếp theo)*7/20  
S:  
4H  
S:  
:T  
+6M.S.N  
★  
TH



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.272.551.016	929.753.302	1.342.895.138	1.000.097.424

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bạc Liêu	360.074.093	360.074.093	Trên 3 năm	360.074.093	360.074.093	Trên 3 năm
Nhà thuốc Quang Hạnh	321.924.839	-	Trên 3 năm	321.924.839	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Dược Phẩm Hàn	120.204.000	120.204.000	Trên 3 năm	120.204.000	120.204.000	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	470.348.084	449.475.209	Trên 3 năm	540.692.206	519.819.331	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>1.272.551.016</b>	<b>929.753.302</b>		<b>1.342.895.138</b>	<b>1.000.097.424</b>	

(\*) Hội đồng quản trị đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì những khách hàng có nợ phải thu quá hạn thanh toán đều đã ngưng hoạt động nhưng chưa làm thủ tục giải thể. Do vậy, Công ty đã lập dự phòng 100% các khoản nợ phải thu quá hạn trên.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.503.485.736	(359.976.808)	15.299.587.962	(194.318.983)
Công cụ, dụng cụ	169.535.407	-	188.249.423	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.495.305.155	-	1.377.396.699	-
Thành phẩm	9.147.054.011	-	13.283.181.463	-
Hàng hóa	96.213.917	-	269.871.162	-
<b>Cộng</b>	<b>25.411.594.226</b>	<b>(359.976.808)</b>	<b>30.418.286.709</b>	<b>(194.318.983)</b>

Việc trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do hàng tồn kho kém phẩm chất, hết hạn sử dụng và Công ty thay đổi số đăng ký lưu hành in trên bao bì.

(Xem trang tiếp theo)



02  
03  
01  
02  
01

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2020	39.361.187.708	70.969.582.336	5.155.614.198	5.134.630.253	120.621.014.495
Mua trong năm	-	938.100.000	1.203.378.182	-	2.141.478.182
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(652.337.636)	-	(652.337.636)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>39.361.187.708</b>	<b>71.907.682.336</b>	<b>5.706.654.744</b>	<b>5.134.630.253</b>	<b>122.110.155.041</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2020	22.391.592.192	53.121.475.793	3.836.368.011	4.827.326.058	84.176.762.054
Khấu hao trong năm	1.514.721.240	3.425.759.279	728.576.997	145.384.800	5.814.442.316
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(652.337.636)	-	(652.337.636)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>23.906.313.432</b>	<b>56.547.235.072</b>	<b>3.912.607.372</b>	<b>4.972.710.858</b>	<b>89.338.866.734</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2020	16.969.595.516	17.848.106.543	1.319.246.187	307.304.195	36.444.252.441
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>15.454.874.276</b>	<b>15.360.447.264</b>	<b>1.794.047.372</b>	<b>161.919.395</b>	<b>32.771.288.307</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 53.417.521.259 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2020	4.589.050.091	2.178.166.000	6.767.216.091
Mua trong năm	-	160.000.000	160.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>4.589.050.091</b>	<b>2.338.166.000</b>	<b>6.927.216.091</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2020	-	1.537.392.201	1.537.392.201
Khấu hao trong năm	-	242.284.610	242.284.610
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>-</b>	<b>1.779.676.811</b>	<b>1.779.676.811</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2020	4.589.050.091	640.773.799	5.229.823.890
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>4.589.050.091</b>	<b>558.489.189</b>	<b>5.147.539.280</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.056.176.000 VND.

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<u>Bất động sản đầu tư cho thuê:</u>				
Nguyên giá:				
Nhà	24.420.367.224	-	-	24.420.367.224
Máy móc thiết bị	6.459.825.606	-	-	6.459.825.606
<b>Cộng</b>	<b><u>30.880.192.830</u></b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b><u>30.880.192.830</u></b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	12.569.827.785	487.634.508	-	12.082.193.277
Máy móc thiết bị	5.836.757.519	226.570.212	-	5.610.187.307
<b>Cộng</b>	<b><u>18.406.585.304</u></b>	<b><u>714.204.720</u></b>	<b>-</b>	<b><u>17.692.380.584</u></b>
Giá trị còn lại:				
Nhà	11.850.539.439			12.338.173.947
Máy móc thiết bị	623.068.087			849.638.299
<b>Cộng</b>	<b><u>12.473.607.526</u></b>			<b><u>13.187.812.246</u></b>

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 4.194.123.482 VND.

Tại ngày báo cáo, Nhóm công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**4.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền thuê đất trả trước (*)	19.507.260.494	20.287.550.918
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	143.607.550
<b>Cộng</b>	<b><u>19.507.260.494</u></b>	<b><u>20.431.158.468</u></b>

(\*) Tiền thuê đất trả trước 1 lần tại 78 – 80 Cách Mạng Tháng Tám với thời hạn 29 năm, từ ngày 02 tháng 06 năm 2017 đến ngày 01 tháng 01 năm 2046.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Bao bì ATP	329.978.000	329.978.000	87.450.000	87.450.000
Công ty TNHH Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai	229.950.000	229.950.000	155.925.000	155.925.000
Công ty Cổ phần Thủy tinh Hưng Phú	214.292.540	214.292.540	226.527.708	226.527.708
Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	178.500.000	178.500.000	81.375.000	81.375.000
Phải trả cho các đối tượng khác	1.483.923.425	1.483.923.425	3.842.316.224	3.842.316.224
<b>Cộng</b>	<b><u>2.436.643.965</u></b>	<b><u>2.436.643.965</u></b>	<b><u>4.393.593.932</u></b>	<b><u>4.393.593.932</u></b>

Tại ngày 31/12/2020, phải trả các đối tượng khác ngắn hạn có số dư mỗi đối tượng dưới 10% tổng số phải trả các đối tượng khác ngắn hạn.

**4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP KD XNK Dược phẩm G.B Sài Gòn	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Dược phẩm Quận 3 - HT44	1.104.110.986	676.018.753
Các khách hàng khác	802.838.297	343.987.466
<b>Cộng</b>	<b><u>6.906.949.283</u></b>	<b><u>6.020.006.219</u></b>

Tại ngày 31/12/2020, người mua trả tiền trước khác ngắn hạn có số dư mỗi khoản trả tiền trước dưới 10% tổng số người mua trả tiền trước khác ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2020		Trong năm		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	348.773.547	2.746.152.258	2.588.468.001	-	191.089.290
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	166.146.404	166.146.404	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.151.469.136	3.251.469.136	3.523.007.117	-	1.423.007.117
Thuế thu nhập cá nhân	-	120.873.692	910.779.735	1.033.220.520	-	243.314.477
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	338.922.302	-	2.735.532.460	2.660.960.242	413.494.520	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	51.357.581	51.357.581	-	-
<b>Cộng</b>	<b>338.922.302</b>	<b>1.621.116.375</b>	<b>9.868.437.574</b>	<b>10.030.159.865</b>	<b>413.494.520</b>	<b>1.857.410.884</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.15. Phải trả người lao động**

Là khoản trích lập quỹ dự phòng tiền lương còn phải trả cho người lao động.

**4.16. Chi phí phải trả**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trích trước chi phí du lịch cho CBCNV	1.500.000.000	1.400.000.000
Các khoản trích trước khác	527.243.162	711.135.770
<b>Cộng</b>	<b>2.027.243.162</b>	<b>2.111.135.770</b>

**4.17. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức phải trả	11.504.510.883	13.500.310.103
Nhận ký quỹ ngắn hạn HĐ bao tiêu	1.411.103.420	810.678.960
Chi phí CSKH	175.380.656	98.526.944
Các khoản phải trả khác	52.221.857	168.956.428
<b>Cộng</b>	<b>13.143.216.816</b>	<b>14.578.472.435</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.369.007.800	4.137.132.800

**4.18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Là khoản vay tín chấp với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 TP. Hồ Chí Minh, thời hạn vay là 3 tháng với lãi suất 4,5%/năm.

**4.19. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2020	10.340.955.118
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	2.225.441.314
Trích thù lao HĐQT	1.011.564.233
Tặng khác	69.680.600
Chi trong năm	(3.451.118.650)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>10.196.522.615</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.20. Vốn chủ sở hữu**

**4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2019	55.500.000.000	17.380.542.000	3.052.598.789	48.849.867.839	34.396.876.772	159.179.885.400
Chuyển đổi trái phiếu	55.500.000.000	3.052.598.789	(3.052.598.789)	-	-	55.500.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	20.672.539.116	20.672.539.116
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu năm 2019	-	-	-	3.100.880.867	(3.100.880.867)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019	-	-	-	-	(2.273.979.303)	(2.273.979.303)
Thù lao HĐQT năm 2019	-	-	-	-	(1.033.626.956)	(1.033.626.956)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(19.980.000.000)	(19.980.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(4.209.534)	(4.209.534)
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>20.433.140.789</b>	<b>-</b>	<b>51.950.748.706</b>	<b>28.676.719.228</b>	<b>212.060.608.723</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	20.229.256.644	20.229.256.644
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu năm 2020	-	-	-	3.034.692.700	(3.034.692.700)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020	-	-	-	-	(2.225.441.314)	(2.225.441.314)
Thù lao HĐQT năm 2020	-	-	-	-	(1.011.564.233)	(1.011.564.233)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(11.100.000.000)	(11.100.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>20.433.140.789</b>	<b>-</b>	<b>54.985.441.406</b>	<b>31.534.277.625</b>	<b>217.952.859.820</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9 VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ G.B Sài Gòn	27.705.680.000	24.843.930.000
Ông Ngô Nam Thắng	23.200.880.000	23.200.880.000
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	16.095.000.000	16.095.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	43.998.440.000	46.860.190.000
<b>Cộng</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>111.000.000.000</b>

**4.20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp đầu năm	111.000.000.000	55.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	55.500.000.000
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>111.000.000.000</b>	<b>111.000.000.000</b>

**4.20.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	11.100.000	11.100.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.100.000	11.100.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.100.000	11.100.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.20.5. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	20.229.256.644	20.672.539.116
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.225.441.314)	(2.273.979.303)
Tạm trích thù lao HĐQT	(1.011.564.233)	(1.033.626.956)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.992.251.097	17.364.932.857
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	11.100.000	8.727.945
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.531</b>	<b>1.990</b>

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 được tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 24/NQHĐQT\_NDP công bố ngày 22 tháng 2 năm 2021.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.20.6. Cổ tức**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Cổ tức được chia theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị	11.100.000.000	13.320.000.000

**4.20.7. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2020	51.950.748.706
Trích trong năm	3.034.692.700
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>54.985.441.406</b>

**4.21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	ĐVT	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020									
Tài sản nhận giữ hộ:												
Nhà 28 Võ Trường Toản	cái	1	1									
<table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th style="text-align: center;">Tại ngày 31/12/2020</th> <th style="text-align: center;">Tại ngày 01/01/2020</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Ngoại tệ các loại:</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>USD</td> <td style="text-align: right;">574,57</td> <td style="text-align: right;">433,77</td> </tr> </tbody> </table>					Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020	Ngoại tệ các loại:			USD	574,57	433,77
	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020										
Ngoại tệ các loại:												
USD	574,57	433,77										
Nợ khó đòi đã xử lý:												
Công ty TNHH TM DP - TTBYT Hưng Thịnh		33.927.812	-									
Nhà thuốc Hải Yến		20.872.875	-									
Công ty TNHH TM Dược phẩm Lan Khuê		13.584.060	-									



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng	93.696.224.649	90.461.825.952
Doanh thu kinh doanh bất động sản	5.519.210.054	5.299.927.308
<b>Cộng</b>	<b>99.215.434.703</b>	<b>95.761.753.260</b>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	2.766.489.763	2.331.511.796

**5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chiết khấu thương mại	2.626.376.307	5.774.993.452
Hàng bán bị trả lại	669.172.223	3.763.552.008
<b>Cộng</b>	<b>3.295.548.530</b>	<b>9.538.545.460</b>
Trong đó, hàng bán bị trả lại từ các bên liên quan – Xem thêm mục 7	385.706.730	-

**5.3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	55.668.945.714	47.685.878.837
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.762.719.189	1.786.155.494
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	165.657.825	(118.685.613)
<b>Cộng</b>	<b>57.597.322.728</b>	<b>49.353.348.718</b>

**5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.640.702.067	9.084.988.951
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.300.000	4.230.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.599	5.181
<b>Cộng</b>	<b>9.647.007.666</b>	<b>9.089.224.132</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	5.857.673.554	2.885.161.134
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	71.580.053	129.343.090
Chi phí khấu hao	592.247.783	458.334.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.486.312	111.658.761
Chi phí khác bằng tiền	1.809.234.235	3.533.075.925
<b>Cộng</b>	<b>8.412.221.937</b>	<b>7.117.573.332</b>

**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.613.858.357	6.099.718.597
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	529.364.954	339.909.002
Chi phí khấu hao	896.673.972	907.603.175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.113.234.383	2.161.297.347
Chi phí khác bằng tiền	3.440.308.167	3.438.395.872
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(70.344.122)	40.249.818
<b>Cộng</b>	<b>16.523.095.711</b>	<b>12.987.173.811</b>

**5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.490.114.236	26.262.064.448
Chi phí nhân công	27.364.010.220	20.184.956.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.770.931.646	6.359.292.601
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.841.258.155	6.719.331.480
Chi phí khác bằng tiền	6.890.420.705	9.178.134.605
<b>Cộng</b>	<b>77.356.734.962</b>	<b>68.703.779.834</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	23.650.253.784	26.016.138.022
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.756.779.375	4.884.068.143
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(4.184.281.634)	(9.285.170.582)
Điều chỉnh do hợp nhất BCTC	2.028.021	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	23.224.779.546	21.615.035.583
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	4.644.955.909	4.323.007.117
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị quyết số 116/2020/QH14	(1.393.486.773)	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>3.251.469.136</b>	<b>4.323.007.117</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Nhóm công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Quỹ dự phòng tiền lương VND	Chi phí phải trả VND	Dự phòng phải thu VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	1.402.119.400	372.085.919	81.982.797	1.856.188.116
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	1.093.709.926	(69.846.624)	(3.271.513)	1.020.591.789
Tại ngày 01/01/2020	308.409.474	441.932.543	85.254.310	835.596.327
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	154.051.400	1.407.780	14.068.824	169.528.004
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>154.358.074</b>	<b>440.524.763</b>	<b>71.185.486</b>	<b>666.068.323</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.015.287.926	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Nhóm công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm;
- Kinh doanh bất động sản

	Dược phẩm		Bất động sản		Tổng cộng	
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Doanh thu thuần</b>						
Từ khách hàng bên ngoài	90.400.676.119	80.923.280.492	5.519.210.054	5.299.927.308	95.919.886.173	86.223.207.800
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Kết quả của bộ phận	34.566.072.580	33.356.087.268	3.756.490.865	3.513.771.814	38.322.563.445	36.869.859.082
Chi phí không phân bổ					24.935.317.648	20.104.747.143
Thu nhập tài chính					9.647.007.666	9.089.224.132
Chi phí tài chính					11.612.694	1.390.855.165
Thu nhập khác					1.255.561.903	1.647.835.257
Chi phí khác					627.948.888	95.178.141
Lợi nhuận trước thuế					23.650.253.784	26.016.138.022
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					3.251.469.136	4.323.007.117
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					169.528.004	1.020.591.789
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>20.229.256.644</b>	<b>20.672.539.116</b>

Nhóm công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Nhóm công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

**Mối quan hệ**

- |                                                                                                                                                |                                                                                                                         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>1. Công ty Cổ Phần Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ G.B Sài Gòn</p> <p>2. Ông Ngô Nam Thắng</p> <p>3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</p> | <p>Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể</p> <p>Chủ tịch HĐQT – Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể</p> <p>Nhân sự quản lý chủ chốt</p> |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Trong năm, Nhóm công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>

Bán hàng và cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 5.1:

<p>Công ty Cổ Phần Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ G.B Sài Gòn</p>	2.766.489.763	2.331.511.796
----------------------------------------------------------------	---------------	---------------

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>

Các khoản giảm trừ doanh thu - Xem thêm mục 5.2:

<p>Công ty Cổ Phần Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ G.B Sài Gòn</p>	385.706.730	-
----------------------------------------------------------------	-------------	---

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>

Cổ tức đã trả:

<p>Công ty Cổ Phần Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ G.B Sài Gòn</p>	2.981.271.600	1.420.832.500
----------------------------------------------------------------	---------------	---------------

Thù lao và thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị được hưởng trong năm như sau:

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>

<p>Ông Ngô Nam Thắng</p> <p>Ông Phạm Ngọc Tú</p> <p>Bà Trịnh Bích Dung</p> <p>Ông Huỳnh Nguyên Thanh (*)</p> <p>Ông Hoàng Xuân Minh Trí</p> <p>Ông Nguyễn An Giang</p>	<p>234.000.000</p> <p>50.000.000</p> <p>111.500.000</p> <p>484.850.000</p> <p>95.500.000</p> <p>95.500.000</p>	<p>240.000.000</p> <p>145.000.000</p> <p>128.000.000</p> <p>-</p> <p>116.000.000</p> <p>116.000.000</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------

<b>Cộng</b>	<b>1.071.350.000</b>	<b>745.000.000</b>
-------------	----------------------	--------------------

(\*) Bao gồm cả thù lao và thu nhập của ông Huỳnh Nguyên Thanh do có tham gia vào việc điều hành Công ty dưới chức danh Phó chủ tịch vận hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Ông Ngô Nam Thắng	-	151.560.000
Bà Trịnh Bích Dung	627.480.000	762.940.000
Ông Phạm Ngọc Tú	596.812.693	-
Ông Võ Ngọc Dương	442.660.000	834.216.000
Ông Phạm Thiện Thuận	710.003.350	550.486.239
<b>Cộng</b>	<b><u>2.376.956.043</u></b>	<b><u>2.299.202.239</u></b>

**9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Thu nhập của Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Ông Nguyễn Minh Đức	69.000.000	104.000.000
Bà Nguyễn Trần Xuân Mai	36.000.000	64.000.000
Ông Trần Quang Huy	36.000.000	64.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>141.000.000</u></b>	<b><u>232.000.000</u></b>

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù không ảnh hưởng tiêu cực về mặt tài chính cho Nhóm công ty đến 31/12/2020 nhưng Nhóm công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Nhóm công ty trong những năm tài chính sắp tới.

**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Trịnh Bích Dung**  
**Phó Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

**Phan Thị Nam Hà**  
**Kế toán trưởng**

**Lê Thị Hoàng Phi**  
**Người lập**